CHUYÊN MỤC
CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- ***Các vấn đề môi trường toàn cầu***
- ***Các vấn đề môi trường Việt Nam***
- ***Vấn đề xã hội tiêu điểm trong tháng***
- ***Một số tin tức nổi bật trong các lĩnh vực xã hội***

I. Các vấn đề môi trường toàn cầu

Australia duyệt dự luật đánh thuế khí thải cácbon

Với tỷ lệ phiếu 74/72, Hạ viện Australia ngày 12/10 đã thông qua dự luật đánh thuế khí thải cácbon, mở đường cho việc thiết lập một chương trình buôn bán khí thải cácbon được cho là toàn diện nhất thế giới, nhằm giúp nước này đương đầu với những thách thức của một thế giới đang thay đổi.

Dự luật sẽ được chuyển lên Thượng viện Australia và dự kiến cũng sẽ được thông qua trong tháng 11 tới nhờ sự hậu thuẫn của các thượng nghị sỹ thuộc đảng Xanh. Nếu được Thượng viện chấp thuận, dự luật thuế cácbon của Australia sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày 1/7/2012.

Chương trình đánh thuế khí thải cácbon được xem là cải cách kinh tế lớn nhất tại Australia kể từ khi nước này áp dụng Luật thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) cách đây một thập niên, với mục đích giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường và tiến tới tương lai năng lượng sạch.

Theo ước tính của Chính phủ Australia, thuế khí thải cácbon sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khoảng 500 công ty gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất (chiếm khoảng 0,02% tổng số doanh nghiệp của Australia), theo đó những doanh nghiệp thải ra hơn 25.000 tấn cácbon mỗi năm sẽ bị đánh loại thuế đặc biệt này.

Dự kiến, trong thời gian đầu, các doanh nghiệp gây ô nhiễm sẽ phải trả 23 AUD cho mỗi tấn khí cácbon thải ra. Mức giá này sẽ tăng 2,5% mỗi năm cho đến năm 2015 khi Chương trình buôn bán khí thải đi vào hoạt động theo quy luật thị trường. Riêng các ngành nông, lâm và ngư nghiệp sẽ không phải chịu thuế cácbon. Cùng với việc đánh thuế cácbon, Chính phủ Australia cũng đưa ra các phương án hỗ trợ ngành

công nghiệp và những đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp khi luật thuế cácbon được áp dụng.

Mặc dù hiện nay thuế cácbon chưa đánh trực tiếp vào các hộ gia đình, cá nhân hay doanh nghiệp nhỏ khi tiêu thụ nhiên liệu trong quá trình sử dụng phương tiện giao thông sẽ bắt đầu bị đánh thuế từ năm 2014.

Các doanh nghiệp nhỏ dù không phải đóng thuế cácbon cũng sẽ chịu ảnh hưởng do giá cả nguyên liệu đầu vào gia tăng, điều này ắt dẫn đến làm tăng giá sản phẩm đầu ra khiến người tiêu dùng thiệt thòi.

Theo ước tính, giá cả hàng tiêu dùng sẽ tăng 0,7% do các doanh nghiệp lớn chịu ảnh hưởng của thuế cácbon. Tuy nhiên, chính quyền của Thủ tướng Julia Gillard cho biết khoản đền bù từ nhà nước sẽ giúp 4 triệu gia đình vẫn sung túc và 6 triệu hộ dân không bị nghèo đi.

Bên cạnh đó, khoảng 8 triệu hộ dân khác cũng sẽ nhận được một khoản đền bù tương đối để đối phó với giá cả gia tăng.

Theo Bộ trưởng Ngân khố Australia Wayne Swan, khi Luật thuế cácbon đi vào hoạt động, các hộ dân có thu nhập trung bình sẽ được nhà nước trợ giúp khoảng 10 AUD/tuần trong khi họ chỉ phải trả thêm 9,9 AUD/tuần.

Bên cạnh đó, Chính phủ sẽ dành 9,2 triệu AUD để hỗ trợ ngành công nghiệp trong vòng ba năm tới, cũng như giảm thuế thu nhập, tăng tiền trợ cấp và lương hưu cho người dân.

Ngoài ra, Chính phủ Australia cũng sẽ thành lập một Tập đoàn Tài chính Năng lượng sạch với số vốn hoạt động vào khoảng 10 tỷ AUD để tài trợ cho các dự án sáng tạo trong lĩnh vực năng lượng sạch./.

Nguồn: http://www.vietnamplus.vn/

New Zealand tuyên bố thảm họa sinh thái

Cục Hải quân New Zealand hôm 11-10 tuyên bố vụ tràn 350 tấn dầu trên biển từ tàu chở dầu Rena là thảm họa sinh thái lớn nhất trong lịch sử nước này.

AFP cho biết Chính phủ New Zealand dù nỗ lực hết sức vẫn không thể cứu vãn được tình thế. Hệ sinh thái tại bờ biển bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi các bờ biển đều nhiễm bẩn bởi dầu và một số sinh vật biển đã chết hoặc nhiễm bệnh.

Cơ quan hàng hải New Zealand cảnh báo tình hình còn tồi tệ hơn nếu thời tiết xấu khiến con tàu Rena bị vỡ tại rạn san hô và đổ 1.700 tấn dầu ra biển. BBC dẫn lời giám đốc hải quân Catherine Taylor cho biết các con sóng cao đến 4m gây khó khăn cho việc xử lý dầu tràn.

Các tàu cứu hộ chỉ có thể dỡ bỏ các container khỏi tàu và đưa tàu Rena ra khỏi rạn san hô sau khi biển lặng. New Zealand phải mất rất nhiều tuần lễ mới có thể làm sạch các bờ biển bị ảnh hưởng.

Hơn 250 chuyên gia đến từ các nước Úc, Anh, Hà Lan, Singapore đã tham gia các đội cứu hộ, hơn 300 nhân viên cứu hộ New Zealand túc trực để kịp thời làm sạch các váng dầu trên mặt biển.

Nguồn: http://vietnamnet.vn

Đông Nam Á bị ảnh hưởng nặng do biến đổi khí hậu

1/3 dân số thế giới mà đa phần là ở châu Phi và Nam Á đang phải đối mặt với những nguy cơ lớn nhất từ biến đổi khí hậu, trong khi những nước giàu ở khu vực Bắc Âu lại được nhìn nhận là nơi ít chịu ảnh hưởng nhất. Đây là kết luận từ một báo cáo mới được công bố trong thansg 10/2011.

Báo cáo xếp loại 193 quốc gia về mức tổn thương trước biến đổi khí hậu do Công ty Tư vấn Rủi ro toàn cầu Maplecroft (Anh) thực hiện đã xác nhận ba nước Bangladesh, Ấn Độ và Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC) nằm trong số 30 quốc gia chịu ảnh hưởng "cực kỳ" lớn bởi sự thay đổi khí hậu.

Năm nước Đông Nam Á – Indonesia, Myanmar, Việt Nam, Philippines và Campuchia – cũng không nằm ngoài danh sách các nước chịu rủi ro cao nhất, một phần do tác động của hiện tượng nước biển dâng và sự gia tăng cường độ của những cơn bão nhiệt đới khắc nghiệt. Trong đó, Việt Nam xếp thứ 23 trong đánh giá mức độ tổn thương của Maplecroft.

Maplecroft sử dụng Chỉ số Dễ tổn thương trước Biến đổi Khí hậu (CCVI) làm công cụ đo lường độ rủi ro của các nước, các khu vực trước những sự kiện thời tiết khắc nghiệt như hạn hán, lốc xoáy, cháy rừng, bão lũ… dẫn đến sự suy giảm nguồn nước, mất mùa và tình trạng biển xâm thực.

Bên cạnh việc phân tích khả năng thích ứng của từng quốc gia với những rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, báo cáo còn tính đến mức độ tổn thương của một quốc gia trước những sự kiện thời tiết nói trên xét trên một số phương diện như mật độ dân số, sự phát triển, tài nguyên thiên nhiên, sự phụ thuộc vào nông nghiệp và các mối xung đột.

Được biết, 2/3 trong số 30 nước được báo cáo mới của Maplecroft xác định chịu rủi ro cực lớn từ biến đổi khí hậu đều là các nước đang phát triển ở châu Phi – châu lục vốn bị tác động mạnh bởi hạn hán, lũ lụt và cháy rừng nghiêm trọng.

Ngoài những nguyên nhân khách quan khác như vị trí địa lý, địa hình, khí hậu… thì các nhân tố như kinh tế chậm phát triển, hạ tầng y tế chưa đủ đáp ứng và quản lý kém hiệu quả cũng góp phần tạo nên tính dễ bị tổn thương của các nước này.

Kết quả đánh giá rủi ro với các thành phố kết quả cũng không mấy khác bởi các thành phố chịu rủi ro cao nhất cũng nằm ở chính các nước dễ bị tổn thương nhất, điển hình là Bangladesh (Thủ đô Dhaka, thành phố Chittagong), Ethiopia (Thủ đô Addis Ababa), Philippines (Thủ đô Manila) và Ấn Độ (thành phố Calcutta).

Đặc biệt, Calcutta được cho là đứng đầu trong danh sách các thành phố trên thế giới chịu rủi ro cao nhất từ biến đổi khí hậu, theo đánh giá của Maplecroft.

Trong khi đó, Ai-xơ-len, Phần Lan, Ai-len, Thụy Điển và Estonia lại dẫn đầu danh sách các quốc gia ít chịu rủi ro nhất. Ngoại trừ Israel, Qatar và Bahrain, 20 nước ít chịu tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu đều nằm ở khu vực Bắc và Trung Âu.

Riêng Trung Quốc và Hoa Kỳ – hai nhà phát thải các-bon nhiều nhất hành tinh – lần lượt được xếp vào hàng rủi ro trung bình và thấp.

Nguồn: http://www.thiennhien.net

II. Các vấn đề môi trường Việt Nam

Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII - Tìm hướng giải quyết môi trường khu kinh tế, làng nghề

Ngày 7/11, Quốc hội dành trọn một ngày thảo luận về việc thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường tại các khu kinh tế, làng nghề. Vấn đề này đã được Quốc hội thực hiện khảo sát tại 19 tỉnh, thành phố, 15 khu kinh tế ven biển và 54 làng nghề; xem xét báo cáo từ 58 tỉnh, thành và 12 báo cáo giám sát của các Đoàn đại biểu Quốc hội…

Quá chú trọng đầu tư bỏ quên môi trường

Theo Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về môi trường tại các khu kinh tế và làng nghề do Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Phan Xuân Dũng trình bày, ở đa số các khu kinh tế hiện nay, tỷ lệ hoạt động của các dự án sản xuất kinh doanh là chưa cao, hầu hết ở mức 20 - 30%, thậm chí có khu kinh tế chỉ 10% các dự án sản xuất kinh doanh đi vào hoạt động, nên chất lượng môi trường chưa có dấu hiệu ô nhiễm nghiêm trọng. Song nguy cơ ô nhiễm về nhiều mặt như nước, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn... đang hiện hữu.

Qua giám sát cho thấy, việc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế còn bất cập, chưa thực sự thường xuyên; Bộ máy quản lý môi trường tại các địa phương và ban quản lý ở một số khu kinh tế còn lúng túng về cơ

chế hoạt động và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, thiếu nhân lực, phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường; hệ thống văn bản pháp luật còn thiếu, chồng chéo.

Theo Đoàn giám sát, nguyên nhân của những tồn tại trên là do vẫn còn tư tưởng tập trung kêu gọi đầu tư nhằm tăng trưởng kinh tế, xem nhẹ công tác bảo vệ môi trường...

Theo tổng hợp của Đoàn giám sát, Việt Nam hiện có 4.575 làng nghề, trong đó có 1.324 làng nghề được công nhận và 3.221 làng có nghề. Một phần không nhỏ các làng nghề đã và đang bị ô nhiễm môi trường, có nơi đến mức nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư. Trong khi đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tuy tương đối đầy đủ nhưng nhiều quy định thiếu khả thi nên việc tổ chức thực hiện còn hạn chế. Cơ chế chính sách về môi trường làng nghề chưa thực sự phù hợp, các đề án xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề thường phân tán, thiếu trọng tâm, trọng điểm; chậm triển khai.

Để giải quyết vấn đề này, nhiều ý kiến được đưa ra như không cho các Khu kinh tế chưa có hệ thống xử lý chất thải hoạt động. Mỗi khu kinh tế cần có quy hoạch hệ thống thu gom nước thải, chất thải rắn bằn.g phương pháp hệ thống hiện đại, thực hiện quy trình tái sử dụng để tiết kiệm nước. Đồng thời phải tăng tần suất kiểm tra và khi phát hiện phải xử lý kịp thời, xử lý mạnh. Bên cạnh đó cần đầu tư chuyên sâu cho làng nghề thông qua các chính sách như chính sách ưu đãi về đầu tư chiều sâu cho làng nghề, nhất là đầu tư về công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm của làng nghề về cả mặt kinh tế và văn hóa.

Nhiều đại biểu đề nghị Quốc hội thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015, có chương trình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề. Trên cơ sở đó sẽ phân bổ ngân sách, kinh phí, sự nghiệp môi trường hàng năm để thực hiện. Đặc biệt chú trọng vào việc xử lý, kiểm soát các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tránh bố trí vốn dàn trải, hiệu quả sử dụng không cao.

Nguồn: http://www.monre.gov.vn/v35/default.aspx

Dự thảo Kế hoạch hành động Quốc gia về bảo vệ môi trường 2011-2020

Sáng 11/11, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường đã tổ chức họp Tổ soạn thảo dự thảo Khung Kế hoạch hành động Quốc gia về bảo vệ môi trường giai đoạn 2011-2020.

Tham dự cuộc họp có Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Bùi Cách Tuyến, Tổ trưởng Tổ soạn thảo, đồng chí Hoàng Văn Thức, Chánh Văn phòng Tổng cục Môi trường, Tổ phó và các thành viên trong Tổ soạn thảo theo Quyết định số 1240/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kế hoạch hành động Quốc gia bảo vệ môi trường được xây dựng nhằm các mục tiêu:

- Nâng cao hiệu quả công tác điều hành, tăng cường sự gắn kết và phối hợp thực hiện các kế hoạch hành động của ngành và địa phương thực hiện Chiến lược quốc gia theo đúng quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu của Chiến lược;
- Cụ thể hóa các mục tiêu, quan điểm, nội dung của Chiến lược và xây dựng các nhiệm vụ ưu tiên, định rõ nội dung, phân công trách nhiệm, thời gian thực hiện và nguồn lực cho từng nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch hành động của Chiến lược;
- Đảm bảo sự lồng ghép kế hoạch, kết nối nhiệm vụ các ngành và các địa phương với công tác bảo vệ môi trường và sự tham gia của cộng đồng và người dân thực hiện các mục tiêu của Chiến lược;
- Tập trung cao hơn cho giải pháp phi công trình thể hiện ở tăng cường thể chế, chính sách, khoa học công nghệ, dự báo cảnh bảo…, huy động sự tham gia của cộng đồng, người dân phát huy hiệu quả nguồn lực của nhà nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững của từng vùng, từng lĩnh vực và của đất nước.

Theo dự thảo Khung Kế hoạch hành động Quốc gia bảo vệ môi trường giai đoạn 2011-2020, mục tiêu cụ thể đến năm 2015 gồm 4 nhóm: kiềm chế xu hướng gia tăng ô nhiễm, kiềm chế xu hướng gia tăng suy thoái đa dạng sinh học, cải thiện chất lượng môi trường, nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kế hoạch dự kiến xác định 8 nội dung trọng điểm ưu tiên và danh mục các chương trình, dự án được chia theo 02 nhóm giải pháp: nhóm giải pháp phi công trình và nhóm giải pháp công trình.

Tại cuộc họp, các thành viên trong Tổ soạn thảo đã đóng góp ý kiến cho dự thảo Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường và dự thảo Khung Kế hoạch: cách tiếp cận xây dựng Khung Kế hoạch, nội dung của Kế hoạch và các chỉ tiêu môi trường cần đạt được đến năm 2020…

Theo dự kiến dự thảo Kế hoạch hành động Quốc gia về bảo vệ môi trường giai đoạn 2011-2020 sẽ trình Thủ tướng Chính phủ vào đầu năm 2012.

Nguồn: http://www.monre.gov.vn/v35/default.aspx

Ban hành thủ tục hành chính về Giải thưởng môi trường Việt Nam

Ngày 24/10/2011, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Minh Quang đã ban hành Quyết định số 1954/QĐ-BTNMT về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

Theo đó, Quyết định ban hành nội dung cụ thể của Thủ tục hành chính xét tặng Giải thưởng môi trường Việt Nam (Cấp Trung ương). Các tổ chức, cộng đồng, cá nhân tham gia Giải thưởng sẽ nộp hồ sơ đến Tổng cục Môi trường trước ngày 01 tháng 3

của năm xét tặng. Tổng cục Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Tổng cục sẽ yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh. Trên cơ sở kết quả tuyển chọn của Hội đồng xét tặng giải thưởng, Cơ quan thường trực Giải thưởng (Tổng cục Môi trường) phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Bộ TN&MT hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ TN&MT quyết định tặng giải thưởng.

Giải thưởng Môi trường Việt Nam là giải thưởng chính thức duy nhất của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tặng cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Giải thưởng được xét tặng và công bố hai năm một lần, vào dịp kỷ niệm Ngày Môi trường Thế giới (ngày 05 tháng 6).

Nguồn: http://vea.gov.vn/vn/vanbanphapquy/huongdan-quydinh/Pages/Ban-hành-thủ-tục-hành-chính-về-Giải-thưởng-môi-trường-Việt-Nam.aspx

Đà Nẵng đạt giải thưởng thành phố bền vững về môi trường các nước ASEAN

Tin từ Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cho biết, TP Đà Nẵng vừa được chọn trao giải thưởng thành phố bền vững về môi trường của các nước ASEAN năm 2011.

Theo đó, lễ trao giải dự kiến sẽ được tổ chức vào Hội nghị Thượng đỉnh các nước ASEAN lần thứ 17 tại Indonesia, ngày 23/11/2011 nhằm tôn vinh, quảng bá hình ảnh các thành phố bền vững về môi trường trong khu vực ASEAN.

Được biết, Đà Nẵng là thành phố duy nhất của Việt Nam được Bộ Tài nguyên - Môi trường đề cử và là 1 trong 10 thành phố của các nước ASEAN nhận giải thưởng ý nghĩa này. Đây là vinh dự của thành phố Đà Nẵng đạt được trong công cuộc xây dựng và phát triển bền vững môi trường. Giải thưởng này cũng thể hiện được thành quả ban đầu trong quá trình xây dựng thành công thành phố Môi trường vào năm 2020.

Nguồn: http://vea.gov.vn/vn/truyenthong/giaithuong/caccuocthivebaovemoitruong/

Động vật hoang dã được bán công khai giữa thủ đô

Bọ cạp, tắc kè, bìm bịp, rắn hổ mang gần đây đang được buôn bán công khai tại một số tuyến đường ở Hà Nội. Một số đường ở thủ đô Hà Nội như Lê Duẩn, Yên Phụ, Giải Phóng… hiện đang xuất hiện khá đông người kinh doanh bán động vật hoang dã. Những loại động vật này được các con buôn nhập từ các tỉnh miền núi – nơi mà các động vật có điều kiện phát triển như Hòa Bình, Cao Bằng, Bắc Cạn, Yên Bái…

Tại đường Lê Duẩn tắc kè được bán 50.000 đồng/ con, bìm bịp 200.000 đồng/ con, rắn hổ được bán với giá 2 triệu đến 3 triệu đồng/con tùy trọng lượng.

Ngày 2/1/2009, Chính phủ đã ban hành nghị định 99/2009/NĐ-CP, về xử phạt việc buôn bán trái phép các loại động vật thuộc lĩnh vực quản lý, bảo về rừng và lâm sản. Cụ thể là điều 21 của Nghị định ghi rõ các cá nhân, tổ chức có hành vi: mua –bán- cất giữ- chế biến- kinh doanh, sẽ bị xử phạt hành chính tùy theo mức độ từ 3 triệu đến 500 triệu đồng. Tuy nhiên, thực trạng buôn bán động vật hoang dã vẫn tồn tại khá phổ biến tại nhiều địa phương chứng tỏ các quy định đó chưa được thực thi hiệu quả.

Nguồn: http://www.bee.net.vn

WB sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu

Thảo luận về Hội nghị COP 17 sắp diễn ra tại Nam Phi và Chương trình quan hệ đối tác quốc gia về biến đổi khí hậu trong chuyến thăm Việt Nam hai ngày 9 – 10/11, ông Andrew Steer, Đặc phái viên của Ngân hàng Thế giới (WB) về biến đổi khí hậu nhấn mạnh, ông hoàn toàn tán thành với những sáng kiến về biến đổi khí hậu đang được triển khai tại Việt Nam và tái khẳng định WB sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam ứng phó với hiện tượng tiêu cực này.

Tại cuộc hội đàm, ông cũng đưa ra những gợi ý về vai trò hợp tác xây dựng của Việt Nam trong diễn đàn toàn cầu COP 17. Ông khẳng định, đã có nhiều bài học quan trọng từ Việt Nam trong cả vấn đề thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, và điều quan trọng là cần đưa những chương trình hành động ở các nước trên thế giới thành những chương trình đàm phán tại COP 17.

Về Chương trình quan hệ đối tác quốc gia về biến đổi khí hậu, ông Steer cũng đã có buổi thảo luận với Chính phủ Việt Nam, Bộ Phát triển Quốc tế Vương Quốc Anh (DFID) và Ngân hàng Thế giới. Đây là chương trình được thiết kế nhằm mục đích hỗ trợ lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào công cuộc phát triển của Việt Nam bằng cách nâng cao năng lực xây dựng chính sách biến đổi khí hậu, thực hiện các nghiên cứu phân tích, và thúc đẩy hợp tác liên ngành.

Chương trình hiện đang được thiết kế để triển khai nhờ một khoản tài trợ của DFID trị giá 2,8 triệu bảng Anh (tương đương 4, 2 triệu đô la Mỹ), trong đó 1 triệu đô la Mỹ sẽ được giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, điều phối cho việc xây dựng năng lực của Chính phủ Việt Nam về các vấn đề chính sách biến đổi khí hậu.

Nguồn: http://www.thiennhien.net

Gỡ vướng trong tranh chấp, xung đột về bảo vệ môi trường

Tranh chấp, xung đột trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam đang nổi lên như một hiện tượng bức bách của đời sống xã hội. Tại Việt Nam, chất lượng môi trường

đang có những biến đổi theo chiều hướng bất lợi đối với cuộc sống của con người, bên cạnh những vấn nạn ô nhiễm môi trường, suy giảm tầng ôzôn, cạn kiệt các nguồn tài nguyên và đa dạng sinh học... là sự xuất hiện ngày càng nhiều xung đột, tranh chấp về môi trường, điển hình nhất là các vụ tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về người và tài sản do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây nên. Trong nhiều cách thức, biện pháp khác nhau được đưa ra nhằm ngăn chặn, hạn chế tình trạng này, thì các biện pháp pháp lý với nội dung chính là quy định quyền đòi bồi thường thiệt hại gây nên do làm ô nhiễm, suy thoái môi trường đang được Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Ở nhiều địa phương, tranh chấp môi trường tập trung chủ yếu ở việc đòi bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi do ô nhiễm nguồn nước, trong đó người gây hại thường là các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trực tiếp xả nước thải không qua xử lý ra môi trường, còn người bị hại là các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư sống trong khu vực bị ô nhiễm. Các phương án giải quyết loại vụ việc này thường là các bên thông qua chính quyền địa phương để thỏa thuận một mức bồi thường tượng trưng hoặc chuyển hóa thành một khoản tiền có tên gọi là tiền "hỗ trợ cải tạo môi trường". Một số vụ khiếu kiện điển hình như tại Công ty Dệt nhuộm Thế Hòa (Đồng Nai) xử lý nước thải chưa đạt tiêu chuẩn quy định, Công ty phải đền bù cho dân 287 triệu đồng; Công ty Mía đường La Ngà (Đồng Nai) xử lý nước thải chưa đạt tiêu chuẩn quy định, nhưng vẫn thải ra khu vực nuôi cá bè của dân, dẫn đến tình trạng cá chết hàng loạt, công ty phải hỗ trợ cho dân hơn 186 triệu đồng; Nhà máy Cao su Xà Bang (thuộc Công ty Cao su Bà Rịa) (Bà Rịa - Vũng Tàu) gây ô nhiễm môi trường kéo dài trong nhiều năm. Nhà máy đã chủ động đàm phán và thỏa thuận với các hộ dân bị hại, đồng ý tiến hành bước đầu việc bồi thường thiệt hại cho dân với tổng giá trị gần 500 triệu đồng…

Nhìn nhận thực tế từ các vụ việc cho thấy, vướng mắc mà chính các bên đương sự cũng như các cơ quan có thẩm quyền phải đối mặt khi xử lý các vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây nên một phần bắt nguồn từ đặc thù của các mâu thuẫn, xung đột trong lĩnh vực môi trường, nhưng lí do chính cần kể đến là sự thiếu vắng các quy định của pháp luật về vấn đề này. Hiện mới có các quy định chung về trách nhiệm của người làm ô nhiễm môi trường gây thiệt hại, các quy định mang tính nguyên tắc về quyền đòi bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường. Cũng đã có một số quy định về thủ tục tố tụng để giải quyết các vụ kiện dân sự đòi bồi thường thiệt hại nói chung nhưng hiện vẫn còn có nhiều tranh cãi do chúng chưa thực sự phù hợp với các yêu cầu riêng của việc giải quyết đòi bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường. Mặt khác, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại xảy ra trong lĩnh vực môi trường khó xác định chính xác do các thiệt hại không xảy ra tức thời mà xảy ra từ từ trong khoảng thời gian khá dài. Theo các

chuyên gia về Luật, để chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tác động xấu đến môi trường và những thiệt hại xảy ra thường phải thông qua các bước : Xác định mối quan hệ giữa hành vi vi phạm pháp luật môi trường với tình trạng ô nhiễm, suy thoái của môi trường và xác định mối quan hệ giữa ô nhiễm, suy thoái môi trường với những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân, tổ chức.

Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được pháp luật Việt Nam quy định lần đầu tiên trong Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, nhưng phải đến khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 được ban hành, vấn đề này mới được đề cập rõ ràng hơn bằng 5 điều quy định về: Thiệt hại do ô nhiễm suy thoái môi trường; xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường; giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường; bảo hiểm trách nhiệm đòi bồi thường thiệt hại về môi trường. Các quy định này đã thể hiện bước tiến đáng kể trong quá trình "hiện thực hóa" nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền" đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới.

Hiện tại, Luật Bảo vệ môi trường 2005 cũng đã có các quy định về giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường, theo đó "Căn cứ giám định thiệt hại là hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại, các thông tin, số liệu, chứng cứ và các căn cứ khác liên quan đến bồi thường thiệt hại và đối tượng gây thiệt hại". Quy định này được xem là sẽ hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện các quyền đòi bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây nên.

Nguồn: http://www.canhsatmoitruong.gov.vn/default.aspx?tabid=439&ID=7722&CateID=494

III. Vấn đề xã hội nổi bật trong tháng

Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII (khai mạc 20-10/2011 dự kiến bế mạc 26/11/2011)

Khai mạc Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIII, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đã nêu lên những thuận lợi, những khó khăn, thách thức mới đối với Việt Nam và nhấn mạnh bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế đòi hỏi cả nước phải có quyết tâm cao, các giải pháp thích hợp bảo đảm thực hiện mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nỗ lực phấn đấu để đạt được kết quả tốt hơn trong những tháng cuối năm 2011, tạo tiền đề vững chắc cho năm 2012 và những năm tiếp theo.

Tại kỳ họp này, Quốc hội sẽ xem xét các báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế-xã hội 2005-2010 và năm 2011; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2011-2015 và năm 2012; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2011, dự toán ngân sách nhà nước năm 2012 và phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm

2012; kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006-2010, triển khai thực hiện kế hoạch năm 2011 và các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015; kế hoạch vốn trái phiếu 2011-2015; quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 và tổng kết Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

Quốc hội sẽ xem xét, thông qua 6 dự án luật (Luật Cơ yếu, Luật Biển Việt Nam, Luật Lưu trữ, Luật Khiếu nại, Luật Tổ cáo, Luật Đo lường)và 1 dự thảo nghị quyết; cho ý kiến về 13 dự án luật (Theo Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp luật của Quốc hội, tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội sẽ cho ý kiến 13 dự án luật: Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Luật Giáo dục ĐH, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, Luật Phòng chống rửa tiền, Luật Giám định tư pháp, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật quản lý giá, Luật Quảng cáo, Bộ luật Lao động sửa đổi, Luật Công đoàn (sửa đổi), Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá.).

Quốc hội tiến hành giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường tại khu kinh tế, làng nghề; xem xét một số báo cáo kết quả giám sát do Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thực hiện; nghe các báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri từ sau kỳ họp thứ 8, thứ 9, Quốc hội khóa XII đến nay; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn; thông qua Nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2012. Quốc hội xem xét các báo cáo công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tình hình vi phạm pháp luật, tội phạm và xem xét, quyết định một số vấn đề khác.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đề nghị Quốc hội cho tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, đưa ra những kiến nghị cần thiết để vừa tiếp tục đổi mới hoạt động của Quốc hội, vừa góp phần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quốc hội. Các đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan quan tâm thực hiện một số nội dung đổi mới hoạt động của Quốc hội được thống nhất thực hiện ngay tại Kỳ họp này.

Nguồn:http://www.baomoi.com/Home/XaHoi/www.toquoc.gov.vn/Ky-hop-thu-hai-Quoc-hoi-khoa-XIII-se-keo-dai-31-ngay/6857934.epi

IV. Một số tin tức xã hội nổi bật

Dân số, Lao động và Việc làm

Lương công chức có thể lên 1,05 triệu đồng

Ủy ban Tài chính Ngân sách Quốc hội đồng ý với đề xuất của Chính phủ về phương án tăng lương tối thiểu của công chức Nhà nước từ năm 2012 lên mức 1,05 triệu đồng, thay cho 830.000 đồng hiện tại.

Theo Báo cáo thẩm tra tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2011, dự toán và phương án phân bổ năm 2012, Ủy ban Tài chính Ngân sách Quốc hội nhất trí với Chính phủ về phương án tăng lương tối thiểu đối với công chức Nhà nước lên mức 1,05 triệu đồng (từ mức 830.000 đồng một tháng hiện nay) và phụ cấp công vụ ở mức 25%.

Đồng thời, đa số ý kiến đại biểu thuộc Ủy ban cũng cho rằng đề án cải cách tiền lương hiện vẫn còn chậm, mức tối thiểu và phụ cấp công vụ vẫn rất thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách. Do vậy, Chính phủ cần có phương án tách bạch giữa công chức, viên chức, cán bộ nghỉ hưu để có lộ trình tăng lương phù hợp.

Theo tính toán của Bộ Tài chính, với đề án tăng lương tối thiểu lên mức 1,05 triệu đồng, ngân sách Nhà nước sẽ cần khoảng 11.000 tỷ đồng. Năm 2012, lực lượng lao động cả nước sẽ có khoảng 52,9 triệu người, trong đó số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân khoảng 51,27 triệu người.

Trước đó, Chính phủ cũng thực hiện đợt điều chỉnh lương tối thiểu vùng cho mọi loại hình doanh nghiệp, từ 1/10. Theo đó, mức cao nhất là 2 triệu đồng một tháng áp dụng đối với lao động làm việc trong doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng 1. Mức 1,78 triệu đồng một tháng áp dụng đối với vùng 2. Mức 1,55 triệu đồng một tháng áp dụng đối với vùng 3 và mức 1,4 triệu đồng một người áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động trong vùng 4.

Nguồn:http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2011/10/luong-cong-chuc-co-the-len-1-05-trieu-dong/

Sinh viên trước thách thức làm việc trái ngành

Hiện có khoảng 60% sinh viên ra trường hiện đang làm trái ngành theo thống kê của Bộ Lao động – Thương binh – xã hội. Trong điều kiện thị trường lao động có tính cạnh tranh cao như hiện nay, các bạn trẻ cần chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng khi ra trường mình sẽ đối mặt với nghề hoàn toàn không được đào tạo trên ghế nhà trường.

Nguồn:http://www.gdtd.vn/channel/2762/201111/Sinh-vien-truoc-thach-thuc-lam-viec-trai-nganh-1955168/

Thị trường lao động tại TP. Hồ Chí Minh trong tháng 10/2011 khá ổn định, ít có biến động song sự mất cân đối cung –cầu lao động vẫn tiếp tục diễn ra.

Chỉ số nhu cầu tuyển dụng tháng 10/2011 tăng 7,86% so với chỉ số nhu cầu tuyển dụng tháng 9/2011. Phân tích thị trường lao động tháng 10 cho thấy, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp tăng ở hầu hết mọi trình độ, tuy nhiên vẫn tập trung nhiều vào một số ngành nghề tuyển lao động phổ thông (chiếm tới 49,20%) và tăng trên 48% so với tháng 9/2011. Trong tháng 10 vẫn có nhiều doanh nghiệp trong tình trạng thiếu hụt lao động, nhất là trong lĩnh vực may mặc – giày da, cơ khí, điện tử, marketing, du lịch, dịch vụ…

Về chỉ số cung nhân lực tháng 10 đã tăng 30% so với tháng 9. Những ngành nghề có nguồn cung liên tục tăng trong những tháng qua và đặc biệt trong tháng 10 khá cao như: Kế toán – Kiểm toán (31,95%), Quản lý nhân sự - Hành chánh văn phòng (16,03%), Công nghệ thông tin (15,33%), Marketing – Nhân viên kinh doanh (8,24%), Quản lý điều hành (4,38%), Kho bãi - Vật tư - Xuất nhập khẩu (2,87%)…Về trình độ nghề của nguồn nhân lực, người lao động có nhu cầu tìm việc có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm tỷ lệ cao hơn do trong tháng 10/2011 có một lượng lớn sinh viên, học sinh tốt nghiệp ra trường. Đây chính là thuận lợi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tuyển dụng nhân lực có trình độ.

Trong tháng 11/2011, trên địa bàn Thành phố, nhu cầu tuyển dụng lao động ước khoảng 22 nghìn chỗ và chủ yếu tại các ngành nghề đòi hỏi nhiều lao động như: Dệt may, Bán hàng, Marketing, Cơ khí, Dịch vụ - Phục vụ, Xây dựng, Nhà hàng – Khách sạn, Y tế... Xét về cơ cấu trình độ, lao động phổ thông sẽ vẫn chiếm tỷ lệ cao, khoảng 45%; trình độ đại học, cao đẳng ước khoảng 25%, lao động có trình độ từ sơ cấp nghề đến trung cấp khoảng 30%”.

Từ thực tế có thể thấy, tình hình thị trường lao động Thành phố vẫn tiếp tục chưa cân đối được cung -cầu lao động, đặc biệt sẽ có nhiều doanh nghiệp phải thường xuyên tìm kiếm nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi như trong một số ngành nghề: Kế toán, Nhân sự, Quản lý, Công nghệ thông tin, Cơ khí…trong khi đó lại xảy ra tình trạng, sinh viên - học sinh mới ra trường vẫn khó tìm ngay được việc làm phù hợp đặc biệt là những nhóm ngành kinh tế - xã hội, một phần do nguồn nhân lực này chưa có kinh nghiệm làm việc thực tế.

Nguồn:http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30361&cn_id=486988

Giáo dục, đào tạo

Luật GDĐH hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo

Dự án Luật Giáo dục Đại học (sẽ gọi là Dự án Luật GDĐH) là một trong những Dự án Luật quan trọng của Chính phủ trình lên Quốc hội xin ý kiến tại Kỳ họp lần này và dự kiến sẽ tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu Quộc hội để trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp tiếp theo.

Tờ trình của Chính phủ về Dự án Luật do Bộ trưởng Phạm Vũ Luận - thừa uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ - trình bày trong phiên làm việc sáng nay. Đây là lần đầu tiên Dự luật quan trọng về GD&ĐT này được đưa ra nghị trường Quốc hội.

Khẳng định về sự cần thiết ban hành Luật GDĐH, Tờ trình nêu rõ trong bối cảnh GDĐH Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với hệ thống GDĐH trong khu vực và trên thế giới, việc ban hành Luật GDĐH là cần thiết để điều chỉnh các hoạt động GDĐH phù hợp với các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên, quản lý tốt hơn hoạt động hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực GDĐH. Vì vậy, việc ban hành Luật GDĐH là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc, thống nhất cho sự phát triển của GDĐH và thực hiện các mục tiêu của GDĐH.

Xét trên góc độ quy phạm pháp luật, đây là luật chuyên ngành đầu tiên quy định về tổ chức và hoạt động GDĐH, cụ thể hóa các quy định còn mang tính khái quát trong Luật GD về GDĐH.

Cụ thể là: Quy định về cơ sở GDĐH (Điều 7); Chính sách của Nhà nước về phát triển GD ĐH (Điều 10); Hội đồng trường (Điều 14), Hội đồng quản trị (Điều 15), Hiệu trưởng (Điều 16); Thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cho phép, đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở GDĐH (từ Điều 18 đến Điều 22); Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh (Điều 30); Chương trình đào tạo, giáo trình GDĐH (Điều 32); Văn bằng GDĐH (Điều 34); Hoạt động khoa học và công nghệ (Chương V, từ Điều 35 đến Điều 38); Hoạt động hợp tác quốc tế (Chương VI, từ Điều 39 đến Điều 42); Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng GDĐH (Chương VII, từ Điều 43 đến Điều 47).

Tờ trình nêu rõ một số nội dung quy định tại Luật GD được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật GDĐH đáng chú ý như:

Tại Điều 41 của Luật GD quy định về Chương trình khung, dự thảo Luật GDĐH giao cho Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về: “Chuẩn tối thiểu về kiến thức, kỹ năng mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; quy định các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với các trình độ đào tạo của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài; quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học” (được thể hiện tại khoản 3 Điều 32 của dự thảo Luật).

Dự thảo Luật GDĐH bổ sung quy định về cách xác định chỉ tiêu tuyển sinh: “Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với các điều kiện về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên; cơ sở vật chất và thiết bị” (được thể hiện tại khoản 1 Điều 30 của dự thảo Luật).

Dự thảo Luật GDĐH sửa đổi và bổ sung quy định về hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục đại học công lập so với quy định tại Điều 52 của Luật GD (được thể hiện tại Điều 14 dự thảo Luật) như sau: Hội đồng đại học, hội đồng trường (gọi chung là hội đồng trường) được thành lập ở các cơ sở giáo dục đại học công lập; Chủ tịch hội đồng trường là hiệu trưởng hoặc giám đốc; Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về hội đồng trường.

Bên cạnh đó, Tờ trình cũng cho biết Dự Luật bổ sung quy định về cách xác định chỉ tiêu tuyển sinh trên cơ sở các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, bao gồm số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên; cơ sở vật chất và thiết bị. Các nội dung về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học, đại học quốc gia; về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục, về lợi nhuận và phi lợi nhận; về xã hội hóa và công bằng xã hội trong giáo dục đại học… cũng đã được đề cập trong bản dự thảo Luật.

Về quan điểm, nguyên tắc xây dựng Luật, Báo cáo thẩm tra cho biết Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cơ bản nhất trí với quan điểm, nguyên tắc xây dựng Luật GDĐH trình bày tại Tờ trình của Chính phủ và nhấn mạnh: Thứ nhất, việc xây dựng Luật phải bảo đảm thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển GDĐH, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược;

Thứ hai, việc xây dựng Luật phải hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; bảo đảm công bằng xã hội trong GDĐH; đổi mới công tác quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GDĐH; Thứ ba, với tư cách là luật chuyên ngành, chuyên sâu cho lĩnh vực GDĐH, các quy định trong Luật GDĐH phải cụ thể, chi tiết và phải có tính khả thi cao.

Nguồn:http://gdtd.vn/channel/2741/201110/Du-thao-luat-GD-Dai-hoc-da-the-che-hoa-nhung-van-de-lon-cua-GD-Dai-hoc-hien-nay-1954898/

Đa số giảng viên đại học (ĐH) quan niệm đúng về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH)

Đa số các nhà quản lí và giảng viên các trường đại học (87,2%) quan niệm đúng về bản chất của việc đổi mới phương pháp dạy học. Đó là việc chuyển dạy học theo kiểu truyền thụ một chiều của giảng viên sang kiểu dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực, sáng tạo trong hoạt động học tập của sinh viên.

Đây là một trong những kết luận từ nghiên cứu thực trạng đổi mới PPDH ở ĐH của các chuyên gia thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội, Vụ Giáo dục ĐH, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Bộ GD&ĐT.

Tập thể nghiên cứu đã phỏng vấn gián tiếp các đối tượng là cán bộ quản lí, giảng viên và SV của 43 trường ĐH, trong đó có 367 nhà quản lí cấp trường và cấp khoa (48 lãnh đạo trường, 319 nhà quản lí cấp khoa), 1342 giảng viên, 1386 SV; phỏng vấn sâu tại 7 trường ĐH là ĐHSP Hà Nội, ĐH Y - Dược Thái Nguyên, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM, ĐH Sư phạm Kĩ thuật TP.HCM và ĐH Cần Thơ...

Bên cạnh đó, đa số các nhà quản lí và giảng viên cho rằng việc đổi mới PPDH cần được tiến hành một cách đồng bộ với việc đổi mới chương trình đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo ở ĐH. Trong các nhân tố thúc đẩy việc đổi mới PPDH, nhân tố "giảng viên ý thức được tầm quan trọng của việc đổi mới PPDH" được xếp ở vị trí cao nhất. Tuy nhiên, sự chỉ đạo của cán bộ quản lí các cấp có vai trò quyết định tới hoạt động đổi mới PPDH của giảng viên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số giảng viên hiểu biết và có kĩ năng sử dụng tốt nhóm phương pháp thuyết trình, một số PPDH hiện đại có tác dụng phát huy cao tính tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo ở sinh viên còn rất xa lạ với số đông giảng viên, việc sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Giảng viên sử dụng rất có hiệu quả và tương đối hiệu quả chiếm tỉ lệ cao với các phương pháp: thuyết trình kết hợp vấn đáp (42,9% rất có hiệu quả, 55,1% tương đối hiệu quả); thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện nghe – nhìn (46,5% và 50,2%); thảo luận, làm việc theo nhóm (41,6% và 55,2%); tổ chức seminar (27,9% và 64,1%); dạy học theo tình huống (31,9% và 59,8%).

Với một số phương pháp, tỉ lệ giảng viên sử dụng không hiệu quả tương đối cao. Ví dụ, phương pháp đóng vai (24,2% sử dụng không hiệu quả), dạy học theo tiếp cận môđun (24,5%), dạy học bằng grap (47,0% sử dụng không hiệu quả); E-learning (30,5% sử dụng không hiệu quả); dạy học theo dự án (27,6%), dạy học hợp tác (24,9% sử dụng không hiệu quả).

Đánh giá về những khó khăn, trở ngại việc đổi mới PPDH ở ĐH, các nhà quản lí, giảng viên và SV tương đối thống nhất rằng các yếu tố cản trở mạnh nhất tới việc đổi mới PPDH là: Cơ sở vật chất hạn chế, lớp học quá đông, trình độ ngoại ngữ yếu, và tình trạng SV chưa chuẩn bị tốt về phương pháp học tập. Các phiếu trả lời của SV lại nhấn mạnh thêm tới các yếu tố cơ sở vật chất, thư viện và phương pháp đánh giá chưa phù hợp.

Một trong những kết luận quan trọng của nghiên cứu là cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa đảm bảo phục vụ cho hoạt động dạy học của giảng vên và SV. Thiếu nhất là phụ tá thí nghiệm, sau đó là phòng học chuyên dụng, tiếp đó lần lượt là phòng thí nghiệm, máy tính, phương tiện nghe nhìn, thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo, giáo

trình. Thiếu hụt giáo trình, tài liệu tham khảo là ít nhất, chỉ có 25-30% giảng viên cho là còn thiếu.

Nguồn:http://www.gdtd.vn/channel/2762/201111/Da-so-giang-vien-DH-quan-niem-dung-ve-doi-moi-PPDH-1955273/

Y tế và chăm sóc sức khỏe

12,3 % dân số Việt Nam mắc viêm mũi dị ứng

TS. Võ Thanh Quang, Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng TW, Phó Chủ tịch Hội Tai mũi họng Việt Nam cho biết tại hội thảo cập nhật và thảo luận về những nguyên nhân và thách thức trong điều trị viêm mũi dị ứng (VMDƯ): Lượng bệnh nhân VMDƯ đến khám tại Bệnh viện Tai mũi họng Trung ương ngày càng gia tăng và mức độ của bệnh ngày càng khó kiểm soát hơn… Tham dự hội thảo có gần 200 chuyên gia, bác sĩ chuyên khoa Tai mũi họng tại Hà Nội và khu vực phía Bắc. Hội thảo đã cập nhật và thảo luận về những nguyên nhân

Nguồn:http://suckhoedoisong.vn/20111031092345765p61c67/123--dan-so-viet-nam-mac-viem-mui-di-ung.htm

53% bà mẹ chưa quan tâm ngừa bệnh truyền nhiễm cho trẻ

Đó là công bố của Chi hội Dinh dưỡng lâm sàng - Viện Dinh dưỡng Quốc gia dựa trên kết quả khảo sát toàn quốc về nhận thức và hành vi phòng chống dịch bệnh của bà mẹ và gia đình năm 2011.

Nguồn:http://suckhoedoisong.vn/2011103109431878p61c67/53-ba-me-chua-quan-tam-ngua-benh-truyen-nhiem-cho-tre.htm

"Cung" và "cầu" gặp nhau ở tuyến dưới

Với mô hình 4K: Khảo sát tốt, kế hoạch tốt, kiểm tra tốt và kết quả thực hiện tốt, Bệnh viện Bạch Mai thực sự là một đơn vị đi đầu sau hơn 3 năm triển khai Đề án 1816 (cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới, nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh). Kinh nghiệm của Bệnh viện Bạch Mai đã được nhiều bệnh viện khác học tập.

Luân chuyển cán bộ y tế về hỗ trợ cho các bệnh viện (BV) tuyến dưới sau gần 3 năm đã phát huy hiệu quả. Nhiều BV cơ sở khẳng định, sau khi được hỗ trợ, giúp đỡ về chuyên môn, kỹ thuật, trang thiết bị… đã từng bước nâng cao được khả năng khám chữa bệnh cho nhân dân địa phương.

Sau gần 3 năm thực hiện Đề án 1816, từ năm 2008 đến nay, ngành y tế Quảng Nam đã nhận sự hỗ trợ từ BV TW Huế, BV Nhi đồng 2, BV Từ Dũ, BV C Đà Nẵng... các BV trên địa bàn tỉnh từng bước khắc phục, hoàn thiện quy mô tổ chức khám chữa bệnh. Đến nay BV Đa khoa Quảng Nam đã có đội ngũ bác sĩ, kỹ thuật viên,

điều dưỡng viên làm nòng cốt để thực hiện các kỹ thuật mới như: cắt phình động mạch chủ bụng và ghép động mạch chủ bằng Prothese, cắt phổi, u phổi, cắt gan, khâu gan vỡ, phẫu thuật nội soi khớp, phẫu thuật ung thư vú, phẫu thuật nội soi tiết niệu, ung bướu, siêu âm ngoại, chấn thương chỉnh hình, gây mê hồi sức và một số kỹ thuật khác như: bóc u cặn phổi/viêm mủ màng phổi, cắt nối phình động mạch chủ bụng, cắt tử cung qua nội soi, nội soi rò đường mật sau chấn thương và cắt cơ vòng ODDI;

Nguồn:http://suckhoedoisong.vn/20111030104233442p61c67/can-bo-y-te-ho-tro-benh-vien-tuyen-duoi-da-phat-huy-hieu-qua.htm

http://suckhoedoisong.vn/201110311132828p61c67/cung-va-cau-gap-nhau-o-tuyen-duoi.htm

Thừa cân, béo phì ở Việt Nam

Tổ chức Y tế thế giới định nghĩa béo phì là tình trạng tích lũy mỡ quá mức và không bình thường tại một vùng cơ thể hay toàn thân đến mức ảnh hưởng tới sức khỏe.

Trong xã hội hiện đại và năng động như hiện nay thì thừa cân và béo phì đang có xu hướng phổ biến và tăng nhanh trong cộng đồng, là một trong những vấn đề nổi cộm ở các nước phát triển và có xu hướng tăng mạnh ở các nước đang phát triển. Tại Việt Nam, tỷ lệ thừa cân béo phì khoảng 12,5%.

Người bị béo phì ngoài thân hình phì nộn, nặng nề, khó coi... còn có nguy cơ mắc nhiều bệnh như rối loạn lipid máu, tăng huyết áp và các bệnh lý tim mạch, sỏi mật, đái tháo đường, xương khớp và ung thư...

Khống chế tình trạng người béo phì ở thành phố

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc của người Việt Nam là một trong những mục tiêu đặt ra tại dự thảo Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 do Bộ Y tế chủ trì đang được công bố trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Theo đó, phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp dưới 2,5kg xuống dưới 10% vào năm 2015 và dưới 8% vào năm 2020. Khống chế tỷ lệ béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới mức 5% ở nông thôn và dưới 10% ở thành phố lớn đến năm 2020... Kiểm soát tình trạng béo phì ở người trưởng thành ở mức dưới 8% vào năm 2015 và duy trì ở mức dưới 12% vào năm 2020.

TP.HCM: Trẻ thừa cân béo phì gia tăng nhanh

Đây là thông tin được đưa ra tại Hội thảo khoa học với chủ đề “Béo phì - Từ nhận thức cộng đồng đến thực hành y khoa” do Trung tâm Nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp - BSA phối hợp với Hội Y học TP.HCM tổ chức ngày 21/1. Theo kết quả nghiên cứu của TS. Tăng Kim Hồng, ĐH Phạm Ngọc Thạch, trên 759 học sinh cấp 2 ở các quận nội thành TP.HCM trong 5 năm (2004 - 2009) cho thấy, trẻ thừa cân béo phì (TCBP) ở TP.HCM đang gia tăng một cách nhanh chóng. Trong

đó, tỷ lệ thừa cân tăng gấp rưỡi và tỷ lệ béo phì tăng gấp ba. Thực tế nghiên cứu trên cho thấy, tỷ lệ trẻ thừa cân năm 2004 là 12,5% đến năm 2009 tăng lên 18,4%. Tỷ lệ trẻ béo phì tăng từ 1,7% lên 6,2%, số trẻ nam TCBP luôn cao hơn nhiều so với trẻ nữ và tăng đều trong từng năm. Đặc biệt, những học sinh có sự ăn sáng đều đặn lại giúp giảm nguy cơ béo phì đến 60%.

Nguồn:http://suckhoedoisong.vn/20110121100350346p61c67/tphcm-tre-thua-can-beo-phi-gia-tang-nhanh.htm

http://suckhoedoisong.vn/20111031094710646p0c63/thua-can-beo-phiyeu-to-nguy-co-cua-tang-huyet-ap.htm

http://suckhoedoisong.vn/20110511081314522p61c67/khong-che-tinh-trang-nguoi-beo-phi-o-thanh-pho.htm

An sinh xã hội

Lao động ở khu vực không chính thức: "Lọt" lưới an sinh

Cho dù là nguồn cung cấp việc làm lớn thứ hai, chỉ sau khu vực nông nghiệp, nhưng dường như khu vực không chính thức lại đang bị lưới an sinh xã hội bỏ sót. Mức độ tham gia và hưởng thụ chính sách an sinh xã hội (ASXH) của người lao động rất thấp. Hiện chưa có chính sách đặc thù xứng đáng cho khu vực này…

Những người làm việc trong khu vực không chính thức là những lao động tự do, bao gồm: Thợ uốn tóc, thợ may tại nhà, buôn bán rong, thợ xây dựng tự do, người hành nghề xe ôm, người giúp việc gia đình… và những người tự nguyện làm công cho người khác mà không được ký hợp đồng lao động. Những hoạt động này ở Việt Nam hiện thu hút được nhiều lao động. Nó cũng lấp được khoảng trống thiếu hụt về việc làm và thu nhập đối với một bộ phần lớn người dân. Hiện việc làm trong khu vực không chính thức có gần 10,9 triệu người, chiếm 23,5% tổng việc làm. Trong đó lao động tự làm là 15%, lao động làm thuê là 5,7%, lao động gia đình không hưởng lương 1,9% và người sử dụng lao động là 0,9%. Thu nhập từ khu vực việc làm phi chính thức chiếm khoảng 30- 60% tổng thu nhập quốc gia, đóng góp 20% GDP cho cả nước.

Trong thời kỳ suy giảm kinh tế vừa qua, khu vực không chính thức đã "gánh đỡ" nhiều cho nền kinh tế của Việt Nam. Trong khi tỷ lệ thất nghiệp ở các nước đều tăng trước tác động của biến động kinh tế toàn cầu thì tại Việt Nam số đó lại giảm. Đặc biệt, nhờ khởi nguồn từ khu vực này mà không ít doanh nghiệp còn phát đạt, thành công và cung cấp một nguồn việc làm rất lớn. Đơn cử như tại Hà Nội và TP.HCM, khu vực phi chính thức vẫn là nguồn cung cấp việc làm lớn nhất (hơn 1 triệu ở Hà Nội và hơn 1,3 triệu ở TP.HCM), chiếm tương ứng 32% và 34% tổng số việc làm ở mỗi thành phố. Giá trị tăng thêm tạo ra bởi khu vực này là 34.000 tỷ đồng ở Hà Nội và 40.000 tỷ đồng ở TP.HCM.

Mặc dù đóng góp không nhỏ vào phát triển kinh tế, xã hội của đất nước nhưng chương trình, chính sách ASXH hiện vẫn chưa bao phủ lên số đông NLĐ làm việc tại khu vực không chính thức. Chẳng hạn việc đóng BHXH và BHYT đối với NLĐ trong khu vực này vẫn khá xa vời. Bằng chứng là mặc dù Việt Nam đã đề xuất và thực hiện nhiều chính sách nhằm tiến tới thực hiện BHYT toàn dân nhưng đa số lao động khu vực này đều chưa mặn mà tham gia vì họ thấy rằng, họ còn phải lo những gánh nặng chi tiêu thiết thân cho cuộc sống hàng ngày. Chưa kể, những NLĐ làm việc trong khu vực phi chính thức thường luẩn quẩn trong vòng đói nghèo. Họ bị hạn chế về năng lực, kiến thức và vật chất, khiến không có nhiều cơ hội hòa nhập xã hội. Theo ông Nguyễn Bá Ngọc, Phó viện trưởng Viện Khoa học lao động và xã hội, số lao động tham gia BHXH, BHYT trong khu vực phi chính rất thấp, tỉ lệ bao phủ năm 2010 chỉ có 0,19% (bao gồm cả nông dân).

Bên cạnh đó, chỉ một phần nhỏ lao động khu vực không chính thức tiếp cận được với chính sách dạy nghề. Chính vì thế tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề trong khu vực này cũng thấp, có tới trên 90% số lao động không có bất kỳ chứng chỉ tay nghề nào. Chỉ có 15,7% số lao động có trình độ từ phổ thông trung học trở lên.

Nguồn:http://www.baohiemxahoi.gov.vn/?u=nws&su=d&cid=398&id=4577

Đăng ký thất nghiệp để... trục lợi

Chỉ mới 9 tháng đầu năm 2011, số lao động đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) tại TPHCM đã trên 155.000 người, tăng hơn 2 lần số lao động thất nghiệp của TPHCM trong năm 2010 và xấp xỉ số lao động thất nghiệp của cả nước trong năm 2010. Bình quân mỗi tháng, TPHCM có trên 17.200 người thất nghiệp, trong khi thị trường đang “khát” lao động.

Thất nghiệp: Thật và ảo

Có những trường hợp người lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động với công ty cũ để chuyển sang làm cho một công ty khác, mặc dù đã có công việc mới nhưng vẫn đăng ký hưởng BHTN.

Ông Nguyễn Cao Thắng, Phó Giám đốc Trung tâm Giới thiệu việc làm TPHCM, cho biết, năm 2010, toàn TPHCM chỉ có khoảng 60.000 lao động đăng ký hưởng BHTN nhưng trong năm 2011, chưa hết 9 tháng đã có trên 155.000 lao động đăng ký hưởng BHTN và trên 120.000 người đã nhận được tiền BHTN với tổng số tiền là trên 300 tỷ đồng.

Pháp luật sơ hở?

Lý giải nguyên nhân lao động đăng ký hưởng BHTN tăng, ông Nguyễn Cao Thắng cho rằng, đó là do chính sách và điều kiện hưởng BHTN thông thoáng, dễ dàng hơn trước. Bên cạnh đó, do nhiều doanh nghiệp giải thể, phá sản và cắt giảm lao động

nên không ít lao động chủ động xin nghỉ việc để được hưởng BHTN gây ra tình trạng thất nghiệp ảo. Theo quy định, người lao động khi có đủ 12 tháng đóng BHTN sẽ được hưởng 3 tháng trợ cấp thất nghiệp khi mất việc, nghỉ việc. Do đó, những công nhân muốn "nhảy việc" sẽ ồ ạt đi đăng ký, vừa có việc làm mới, vừa được hưởng BHTN. Đây rõ ràng là hành động trục lợi nhưng không xử lý được vì họ vẫn làm đúng luật.

Không ít trường hợp vừa nghỉ việc được vài ngày là tìm được việc làm mới nhưng vẫn đăng ký để nhận trợ cấp thất nghiệp, trong khi việc giám sát xem họ tìm được việc làm hay chưa trong vòng 15 ngày sau khi đăng ký gần như là việc không thể. Đó là chưa kể không ít trường hợp doanh nghiệp giải quyết cho người lao động rút sổ bảo hiểm xã hội để làm thủ tục hưởng BHTN rồi sau đó được công ty ký hợp đồng trở lại. Trong khi đó, cũng có khá nhiều người thất nghiệp thực sự lại không được hưởng chính sách vì doanh nghiệp còn nợ BHXH, chưa thể trả sổ cho lao động.

Ông Điều Bá Được, Trưởng ban Chính sách, BHXH Việt Nam, cho rằng, hiện tượng đăng ký hưởng BHTN gia tăng bất bình thường như thời gian qua cần phải nghiên cứu lại. Hiện mức đóng BHTN đối với người sử dụng lao động là 1%, người lao động 1% và Nhà nước hỗ trợ 1%. Do mức đóng thấp nên nhiều lao động không thất nghiệp thực sự vẫn đăng ký hưởng BHTN.

Thực tế, đã có không ít doanh nghiệp thỏa thuận với người lao động để trục lợi BHTN. Trường hợp người lao động chấm dứt việc làm ở doanh nghiệp này, sau đó lại trở lại chính doanh nghiệp đó làm việc hoặc ký hợp đồng với doanh nghiệp khác chính là chủ động mất việc làm. Theo quy định, lao động thất nghiệp đáng lẽ ra sẽ nhận sự hỗ trợ việc làm miễn phí hay nhận trợ cấp học nghề trong 6 tháng nhưng ông Cao Văn Sang, Giám đốc BHXH TPHCM, xác nhận, đến nay chưa một lao động thất nghiệp nào nhận tiền hỗ trợ học nghề.

Nên chăng, cần quy định cụ thể như thế nào là thất nghiệp và có nên xem trường hợp tự xin nghỉ việc là người thất nghiệp hay không?

Nguồn:http://www.baohiemxahoi.gov.vn/?u=nws&su=d&cid=398&id=4532

Mở rộng diện đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

Sau 2 năm Luật Bảo hiểm y tế ra đời, hệ thống tổ chức bộ máy và chính sách BHYT từng bước được hoàn thiện, số người tham gia BHYT năm 2010 là 52,4 triệu người, đạt tỷ lệ bao phủ 60% dân số. Quyền lợi người có thẻ bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng và bảo đảm. Người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi được quan tâm trong tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ y tế theo quy định của Luật. Quỹ BHYT đã cân đối được thu chi, bù đắp phần bội chi của

những năm trước và có kết dư khoảng 2.818 tỷ đồng, góp phần tạo ra nguồn tài chính công đáng kể cho công tác khám chữa bệnh BHYT.

Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam: hiện vẫn còn 34 triệu người chưa tham gia bảo hiểm y tế, tập trung chủ yếu ở các đối tượng tự nguyện (mới đạt 10%); người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân mới đạt 53,4% trong tổng số lao động có trách nhiệm tham gia BHYT, chỉ có 13% số hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế, mặc dù các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế đã được bảo trợ...

Nguồn:http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30361&cn_id=485163

Nợ đọng bảo hiểm xã hội: Giải pháp nào tháo gỡ?

"Tăng chế tài xử lý hay kiên quyết xử lý trường hợp trốn đóng bảo hiểm xã hội"... là những khẩu hiệu được nhắc đến từ nhiều năm nay. Song trên thực tế thực trạng "chây ì" vẫn diễn ra ngày càng gia tăng khiến ngành Bảo hiểm xã hội (BHXH) trở thành chủ nợ khổng lồ với con số lên tới hàng ngàn tỷ đồng.

Nguồn:http://www.baohiemxahoi.gov.vn/?u=nws&su=d&cid=384&id=4543

20% diện tích nhà ở đô thị sẽ dành cho người nghèo

Mỗi năm cả nước sẽ đầu tư xây dựng mới khoảng 100 triệu m2 sàn nhà ở, trong đó tối thiểu 20% diện tích sàn trong các dự án tại đô thị sẽ dành cho người thuộc diện chính sách, người thu nhập thấp và người nghèo.

Bộ Xây dựng vừa trình Chính phủ chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo Bộ này, cơ cấu nhà ở tại khu vực đô thị còn chưa hợp lý, tâm lý muốn sở hữu nhà ở, muốn ở nhà thấp tầng gắn với đất còn phổ biến. Vì vậy tỷ trọng nhà ở chung cư chỉ chiếm 1,23% tổng số nhà ở cả nước.

Hà Nội là địa phương có tỷ lệ nhà chung cư cao nhất nước đạt 16% trong khi đó TP HCM mới 6%; tỷ lệ số hộ dân đi thuê nhà để ở tại khu vực đô thị mới đạt 14%, thấp hơn nhiều so với số hộ sở hữu nhà ở.

Nguồn:http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2011/10/20-dien-tich-nha-o-do-thi-se-danh-cho-nguoi-ngheo/

Phụ trách chuyên mục: TS. Lê Hà Thanh
Ths. Ngô Thị Quỳnh An
CN. Nguyễn Diệu Hằng
Địa chỉ email: lhthanh@vdf.org.vn